

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: **301/2026/DS-PT**

Ngày 28 – 5 – 2026

V/v: “*Tranh chấp HĐ vay tài sản*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Hường.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Hồng, bà Nguyễn Thị Hải Âu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Khổng Thị Hoa - Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 555/2025/DS – PT ngày 01/12/2025 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 15/2025/DS-ST ngày 28/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đắk Lắk bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 20/2026/QĐ-PT ngày 06 tháng 01 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo mở lại phiên tòa ngày 28/4/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện M'Drăk, tỉnh Đắk Lắk (Nay là thôn A, xã E, tỉnh Đắk Lắk) – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện M'Drăk, tỉnh Đắk Lắk (Nay là thôn A, xã E, tỉnh Đắk Lắk) – Có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Trịnh Long N, sinh năm 1995. Địa chỉ: Thôn A, xã E, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đoàn Minh T, sinh năm 1964. Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện M'Drăk, tỉnh Đắk Lắk (Nay là thôn A, xã E, tỉnh Đắk Lắk) – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:**

Ngày 23/01/2021, bà Nguyễn Thị H có cho bà Nguyễn Thị H1 vay số tiền 42.000.000đồng. Khi vay tiền hai bên có lập Giấy vay tiền đề ngày 23/01/2021, thoả thuận thời hạn vay là từ ngày 23/01/2021 đến ngày 23/12/2021, lãi suất tự thoả thuận. Nội dung của Giấy vay tiền là do bà H1 tự viết và ký tên.

Kể từ khi bà H1 vay tiền thì bà H1 chỉ trả cho bà H được 3.000.000đồng vào ngày 17/4/2021. Đến ngày 08/5/2021, bà H1 có trả thêm được 1.200.000đồng; Ngày 28/6/2021 và ngày 24/7/2021 bà H1 có trả thêm mỗi lần 1.000.000đồng. Tổng cộng bà H1 đã trả được 6.200.000đồng. Bà H1 còn nợ bà H số tiền gốc 35.800.000đồng.

Theo nội dung trong Giấy ô ly đề ngày 22/5/2020 DL có nội dung “*Vay hộ bà H1 40.000.000đồng*” thì bà H và bà H1 đã tất toán xong khoản nợ đó. Dưới nội dung trên thì ngày 17/4/2021, hai bên đã chốt số nợ 42.000.000đồng theo Giấy vay tiền ngày 23/01/2021 thì bà H1 còn nợ bà H 39.000.000đồng

Bà H1 trình bày đã trả cho bà H số tiền từ ngày 08/5/2021 đến ngày 23/12/2021 là 11.000.000đồng là không đúng. Kể từ ngày 24/7/2021 cho đến nay thì không nhận bất kỳ khoản tiền nào từ bà H1 và không có chữ ký bà H xác nhận là đã nhận tiền từ bà H1 mà bà H1 tự ghi.

Theo đơn khởi kiện thì bà H yêu cầu bà Nguyễn Thị H1 phải trả số tiền đã vay là 35.800.000đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 25/7/2021 cho đến khi trả hết nợ với lãi suất là 10%/năm. Nay bà H xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị H1 phải trả số tiền đã vay 35.800.000đồng và tiền lãi từ ngày 24/12/2021 cho đến khi trả hết nợ với lãi suất là 10%/năm, tạm tính đến ngày xét xử 28/8/2025 là 13.172.000đồng. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi mà bà H1 phải trả cho bà H là 48.972.000 đồng.

**** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị H1 trình bày:***

Bà H1 thừa nhận vào ngày 19/02/2019 có vay của bà Nguyễn Thị H2 20.000.000 đồng. Khi vay tiền thì hai bên có lập Hợp đồng cho cá nhân vay tiền đề ngày 19/02/2019, thoả thuận thời hạn vay từ ngày 19/2/2019 đến ngày 19/4/2019; Lãi suất do hai bên thoả thuận miệng với nhau là 2.000.000 đồng/tháng.

Sau khi vay, bà H1 trả tiền lãi cho bà H2 2.000.000 đồng/tháng. Do không có khả năng trả nợ nên bà H2 đã cộng tiền gốc 20.000.000 đồng và tiền lãi 17.000.000 đồng và bà H2 đưa thêm 3.000.000 đồng thành số tiền 40.000.000 đồng.

Ngày 18/9/2020, bà H1 đã trả được cho bà H2 19.950.000 đồng. Từ ngày 22/6/2020 cho đến ngày 27/12/2022, bà H1 đã trả được cho bà H số tiền 10.850.000 đồng. Từ ngày 08/5/2021 cho đến ngày 23/12/2022, bà H1 đã trả được cho bà H2 được 11.000.000 đồng. Ngày 17/4/2021, bà H2 chốt số tiền bà H1 nợ bà

H2 là 39.000.000đồng. Tổng số tiền bà H1 đã trả cho bà H2 là 41.800.000đồng. Đây là số tiền bà H1 trả cho khoản vay 40.000.000đồng.

Bà H1 không thừa nhận có vay số tiền 42.000.000đồng theo Giấy vay tiền ngày 23/01/2021 như bà Nguyễn Thị H trình bày; Chữ viết và chữ ký trong Giấy vay tiền ngày 23/01/2021 đúng là chữ ký, chữ viết của bà H1 ghi. Nhưng chỉ vay của bà H 20.000.000đồng, không vay số tiền 42.000.000đồng như bà H trình bày. Đó là số tiền gốc 20.000.000đồng và tiền lãi bà H cộng vào rồi báo bà H1 ghi.

Theo tờ Giấy ô ly đề ngày 22/5/2020DL, mỗi lần trả tiền cho bà H thì bà có ghi ngày trả tiền cho bà H (từ ngày 08/5/2021 đến ngày 23/12/2021) là 11.000.000đồng. Bà H trình bày là bà đã trả được 6.200.000đồng là không đúng sự thật.

Qua yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H yêu cầu bà trả lại số tiền đã vay theo Giấy vay tiền ngày 23/01/2021 và tiền lãi thì bà H1 không đồng ý vì đã trả cho bà H được 41.800.000đồng nên không còn nợ bà H.

Tại bản án sơ thẩm số 15/2025/DSST ngày 28/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đắk Lắk đã quyết định:

- Căn cứ Điều 357, Điều 466, Điều 468 của Bộ Luật Dân sự;
- Căn cứ khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H1 phải trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hằng S tiền 48.972.000 đồng; Trong đó, tiền gốc là 35.800.000 đồng và tiền lãi là 13.172.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị H1 còn phải trả tiền lãi cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị H theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/9/2025, bị đơn bà Nguyễn Thị H1 có đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 15/2025/DS-ST ngày 28/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đắk Lắk.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk:

Về thủ tục tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2025/DS-ST, ngày 28/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H1 nộp trong hạn luật định, người kháng cáo được miễn nộp tạm ứng án phí nên vụ án được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về số nợ gốc:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị H1 trả số tiền còn nợ chưa trả là 35.800.000 đồng cùng lãi suất theo quy định. Nguyên đơn cung cấp Giấy vay tiền đề ngày 23/01/2021, giữa người vay là Nguyễn Thị H1 và người cho vay là Nguyễn Thị H. Số tiền vay là 42.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 23/01/2021 đến 23/12/2021. Lãi suất theo thỏa thuận của hai bên.

Nguyên đơn thừa nhận vào ngày 17/4/2021, bà H1 đã trả 3.000.000 đồng. Đến ngày 08/5/2021, bà H1 trả thêm được 1.200.000 đồng; Ngày 28/6/2021 và ngày 24/7/2021 bà H1 trả thêm mỗi lần 1.000.000 đồng. Tổng cộng bà H1 đã trả được 6.200.000 đồng và còn nợ bà H số tiền gốc 35.800.000 đồng.

Tại cấp sơ thẩm, bị đơn thừa nhận chữ viết, chữ ký trong giấy vay tiền đề ngày 23/01/2021 là của mình nhưng sau đó kháng cáo và đề nghị Giám định chữ ký, chữ viết trong giấy vay tiền đề ngày 23/01/2021.

Tòa án đã trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký trong giấy vay tiền nêu trên. Kết luận giám định số 636 ngày 01/4/2026 của Phòng K Công an tỉnh Đ kết luận: chữ viết, chữ ký và chữ viết họ tên “Nguyễn Thị H1” trong giấy vay tiền đề ngày 23/01/2021 so với mẫu so sánh do chính bà Nguyễn Thị H1 viết và ký ra. Như vậy, có đủ căn cứ xác định bị đơn có vay nguyên đơn số tiền 42.000.000 đồng vào ngày 23/01/2021.

[2.2] Về nội dung kháng cáo cho rằng số tiền 42.000.000 đồng theo giấy vay lập ngày 23/01/2021 là khoản vay cũ 20.000.000 đồng ngày 19/12/2019 cộng với tiền lãi, đồng thời cho rằng đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 42.800.000 đồng. Xét thấy:

Bị đơn cung cấp “Hợp đồng cho cá nhân vay tiền” ngày 19/02/2019 giữa người vay là Nguyễn Thị H1 và người cho vay là Nguyễn Thị H. Số tiền vay là 20.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 19/02/2019 đến 19/4/2019. Lãi suất theo thỏa thuận của hai bên (BL 26). Hiện tại, bị đơn là người lưu giữ bản gốc Hợp đồng, do đó khoản vay này đã được bị đơn thanh toán xong. Đồng thời, Giấy vay tiền đề ngày 23/01/2021 không có nội dung nào thể hiện đây là khoản vay ngày

19/02/2019 cộng với lãi suất, cũng không có căn cứ cho rằng lãi suất cho vay của Hợp đồng ngày 19/02/2019 vượt quá quy định của pháp luật

Đối với Giấy kê ô ly viết tay do bị đơn cung cấp có nội dung: “Ngày 22/5/2020 vay hộ bà H1 40.000.000 đồng. Đã trả (2020): Ngày 22/6: 2.950.000; 22/7: 2.950.000; 22/8: 2.950.000; 27/12: 2.000.000. Chốt ngày 17/4/2021 DL, Tổng bà H1 còn 39.000.000 đồng”.

Nội dung thể hiện đây là khoản tiền vay hộ được xác lập trước Giấy vay tiền ngày 23/01/2021. Theo giấy vay này thì trong năm 2020, bà H1 đã trả tổng cộng 10.850.000 đồng, đến ngày 17/4/2021 được hai bên chốt số nợ còn lại. Tuy nhiên, hiện tại bà H1 cũng là người giữ bản gốc Giấy kê ô ly nên không có căn cứ xác định có liên quan đến khoản vay ngày 23/01/2021.

Tại giấy kê ô ly có những nội dung do bị đơn tự ghi chép không có chữ ký xác nhận của nguyên đơn nên không có căn cứ xác định nguyên đơn đã nhận các khoản tiền như bị đơn trình bày.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn luôn trình bày mâu thuẫn. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ giấy vay tiền đề ngày 23/01/2021, lời thừa nhận của nguyên đơn về việc bị đơn đã trả được 6.200.000 đồng để xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 35.800.000 đồng và buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số tiền này là có căn cứ.

[2.3] Về lãi suất:

Tại Giấy vay tiền đề ngày 23/01/2021, có thỏa thuận về lãi suất nhưng không nêu cụ thể lãi suất bao nhiêu. Quá trình tố tụng bị đơn thừa nhận vay có thỏa thuận lãi suất. Trong năm 2021, bị đơn đã trả nhiều lần cho nguyên đơn (ngày 17/4/2021, bị đơn đã trả 3.000.000 đồng Đến ngày 08/5/2021, bị đơn trả thêm được 1.200.000 đồng; Ngày 28/6/2021 và ngày 24/7/2021 bị đơn có trả thêm mỗi lần 1.000.000 đồng) với tổng số tiền đã trả được 6.200.000 đồng. Nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả lãi trên số tiền gốc 35.800.000 đồng từ ngày 24/12/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 10%/năm là đúng quy định tại khoản 5 Điều 466 và Điều 468 của BLDS, có lợi cho bị đơn.

[2.4] Từ phân tích, nhận định trên, không có căn cứ chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H1 như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

[3] Về án phí phúc thẩm và chi phí giám định:

- Bị đơn có yêu cầu giám định nhưng kết quả giám định chứng minh yêu cầu của bị đơn là không có căn cứ nên phải chịu chi phí giám định.

- Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị H1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, bà H1 là người cao tuổi nên miễn án phí phúc thẩm cho bà H1.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2025/DS-ST, ngày 28/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk.

- Căn cứ Điều 357, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

Buộc bà Nguyễn Thị H1 phải trả cho bà Nguyễn Thị Hằng S tiền 48.972.000 đồng. Trong đó, tiền gốc là 35.800.000 đồng và tiền lãi là 13.172.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà Nguyễn Thị H1 còn phải trả tiền lãi cho bà Nguyễn Thị H trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị H1.

[3] Về chi phí giám định: Bà Nguyễn Thị H1 phải chịu 4.850.000 đồng chi phí trưng cầu giám định, số tiền này bà H1 đã nộp đủ và chi phí xong.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND khu vực 7- Đắk Lắk;
- THA dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 7;
- Cổng thông tin điện tử TA;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lưu Thị Thu Hương